

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 1619 /DVKT - VP

Về việc công bố Báo cáo tài chính
bán niên soát xét 2014 của Công ty Mẹ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 19 tháng 8 năm 2014

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Cơ quan đại diện của Ủy ban Chứng khoán nhà nước tại TPHCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Tổng công ty CP Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam (PTSC)
2. Mã chứng khoán: **PVS**
3. Trụ sở chính : Số 1-5 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại : 08.3910 2828 Fax: 08.3910 2929
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thủy
6. Nội dung của thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính bán niên soát xét 2014 của Công ty Mẹ - Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

- Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ bán niên 2014 sau soát xét.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.ptsc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

Người công bố thông tin

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- TGD (để b/c);
- Website: www.ptsc.com.vn;
- Lưu VT, TK. HĐQT.



Nguyễn Đức Thủy



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA
VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1611** /DVKT-TCKT
V/v: Giải trình chênh lệch số liệu
Báo cáo tài chính Công ty mẹ bán
niên 2014 sau soát xét

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2014

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”.

Ngày 15/08/2014, Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam (PTSC) đã phát hành Báo cáo tài chính Công ty mẹ bán niên 2014 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Theo đó, lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính bán niên 2014 sau soát xét đạt 774.944 triệu đồng, tăng so với lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính bán niên 2014 do PTSC lập là 12.206 triệu đồng, tương đương tăng 1,60%. Biến động này là do:

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính do PTSC lập, một số khoản doanh thu thuộc dịch vụ căn cứ Cảng và dịch vụ khác chưa đủ căn cứ, chứng từ, xác nhận để làm cơ sở cho việc ghi nhận doanh thu. Tuy nhiên, đến thời điểm thực hiện soát xét Báo cáo tài chính thì các căn cứ, chứng từ, xác nhận đã được tập hợp đầy đủ nên PTSC đã thực hiện ghi nhận doanh thu này vào kết quả kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 23 – Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tổng Công ty PTSC trân trọng thông báo./.

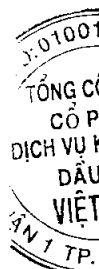
Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- TGD (để b/c);
- Lưu: VT, Ban TCKT-NQC.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Mậu



Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
DẦU KHÍ VIỆT NAM - (CÔNG TY MẸ)**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

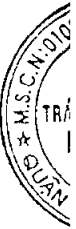
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

5057
CÔNG TY
HẠN
Y THU
KHÍ
NAM
HỒ C

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty mẹ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Tùng	Thành viên
Ông Lê Minh Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Hoan	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không.
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

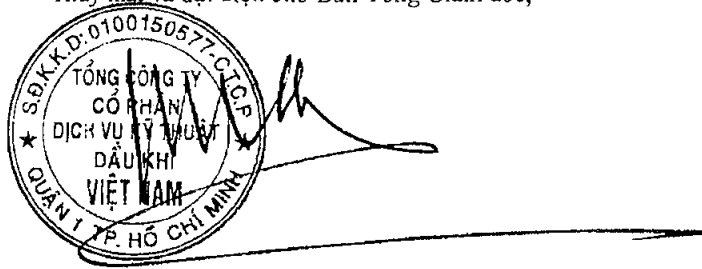
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty mẹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty mẹ đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



The image shows a handwritten signature in black ink over a circular official stamp. The stamp contains the following text: 'SĐKK.D: 0100150577-CTCP' around the top edge, 'TỔNG CÔNG TY' at the top, 'CỔ PHẦN' below it, 'DỊCH VỤ KỸ THUẬT' below that, 'DẦU KHÍ' below that, 'VIỆT NAM' below that, and 'QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH' around the bottom edge. There are two small stars on either side of the company name.

Phan Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: 134/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được lập ngày 15 tháng 8 năm 2014, từ trang 4 đến trang 36. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty mẹ và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Và Thủ Khoa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đào Thái Thịnh

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1867-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		9.093.340.609.192	8.319.445.687.045
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.374.415.821.321	2.924.233.070.863
1. Tiền	111		1.167.746.475.589	1.350.689.753.803
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.206.669.345.732	1.573.543.317.060
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.279.769.188.099	4.952.308.965.638
1. Phải thu khách hàng	131		2.485.043.465.329	2.755.000.018.894
2. Trả trước cho người bán	132		303.094.563.095	54.397.096.013
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	5	2.520.102.185.770	2.161.740.266.559
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(28.471.026.095)	(18.828.415.828)
III. Hàng tồn kho	140	6	381.046.952.092	408.228.713.351
1. Hàng tồn kho	141		382.796.937.740	409.978.698.999
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.749.985.648)	(1.749.985.648)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		58.108.647.680	34.674.937.193
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		36.860.518.831	4.837.557.289
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.722.667.886	27.805.659.698
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.525.460.963	2.031.720.206
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		6.994.317.530.909	7.160.680.492.336
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		690.943.858	684.403.704
2. Phải thu dài hạn khác	218		583.905.846	578.011.961
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.274.849.704)	(1.262.415.665)
II. Tài sản cố định	220		1.140.932.126.811	1.309.142.827.249
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.121.321.355.840	1.292.752.422.310
- Nguyên giá	222		4.009.014.891.970	4.012.265.930.135
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.887.693.536.130)	(2.719.513.507.825)
2. Tài sản cố định vô hình	227		3.032.340.377	3.702.118.323
- Nguyên giá	228		12.105.405.651	12.105.405.651
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.073.065.274)	(8.403.287.328)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	16.578.430.594	12.688.286.616
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.531.015.386.886	5.515.502.671.749
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	2.920.083.892.070	2.904.783.892.070
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10	2.798.733.240.787	2.799.062.040.787
3. Đầu tư dài hạn khác	258	11	187.231.211.875	195.250.449.076
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(375.032.957.846)	(383.593.710.184)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		322.370.017.212	336.034.993.338
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	320.459.588.440	326.265.900.317
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	-	7.773.292.850
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.910.428.772	1.995.800.171
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		16.087.658.140.101	15.480.126.179.381

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		9.013.659.036.783	8.506.834.730.139
I. Nợ ngắn hạn	310		7.482.829.129.518	6.558.698.416.057
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	883.047.333.778	922.832.135.323
2. Phải trả người bán	312		2.260.275.982.115	1.889.318.170.645
3. Người mua trả tiền trước	313		1.649.973.531.935	1.560.950.154.066
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	67.837.036.634	132.367.074.536
5. Phải trả người lao động	315		116.214.450.193	200.934.654.250
6. Chi phí phải trả	316	17	435.150.596.185	269.807.307.280
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	1.846.821.898.596	1.439.054.214.997
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		223.508.300.082	143.434.704.960
II. Nợ dài hạn	330		1.530.829.907.265	1.948.136.314.082
1. Phải trả dài hạn người bán	331		198.803.805.329	265.071.740.439
2. Phải trả dài hạn khác	333		12.050.000	12.050.000
3. Vay và nợ dài hạn	334	19	1.327.128.253.844	1.683.052.523.643
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	14	4.885.798.092	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		7.073.999.103.318	6.973.291.449.242
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	7.073.999.103.318	6.973.291.449.242
1. Vốn điều lệ	411		4.467.004.210.000	4.467.004.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.617.060.000	39.617.060.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.531.440.738.203	1.111.628.012.143
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		260.993.287.945	203.411.767.990
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		774.943.807.170	1.151.630.399.109
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		16.087.658.140.101	15.480.126.179.381

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	10.624.644	22.814.718
Đô la Singapore (SGD)	94.210	-
Bảng Anh (GBP)	1.806	2.131



Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

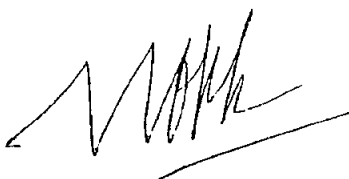
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

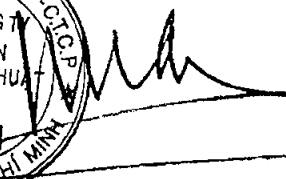
Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	4.955.440.537.801	3.566.262.054.806
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		4.955.440.537.801	3.566.262.054.806
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	4.537.115.344.158	3.139.568.988.665
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		418.325.193.643	426.693.066.141
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	606.392.893.965	507.832.050.301
6. Chi phí tài chính	22	25	64.803.917.470	138.899.392.289
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.555.691.640	41.297.479.831
7. Chi phí bán hàng	24		19.290.876.886	25.987.440.360
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		142.972.064.821	141.148.911.233
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		797.651.228.431	628.489.372.560
10. Thu nhập khác	31		59.687.518.550	54.458.596.462
11. Chi phí khác	32		2.544.625.263	13.868.222.682
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	26	57.142.893.287	40.590.373.780
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		854.794.121.718	669.079.746.340
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	67.191.223.606	60.981.838.616
15. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	14	12.659.090.942	5.203.604.791
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		<u>774.943.807.170</u>	<u>602.894.302.933</u>


 Nguyễn Quang Chánh
 Người lập biểu


 Nguyễn Xuân Cường
 Kế toán trưởng


 Phan Thanh Tùng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 15 tháng 8 năm 2014
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	854.794.121.718	669.079.746.340
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	180.110.023.391	186.129.029.512
Các khoản dự phòng	03	1.094.291.968	25.215.118.236
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	13.259.297.472	29.991.471.617
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(598.776.912.279)	(474.154.674.800)
Chi phí lãi vay	06	25.555.691.640	41.297.479.831
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	476.036.513.910	477.558.170.736
Thay đổi các khoản phải thu	09	(283.002.014.143)	159.696.957.504
Thay đổi hàng tồn kho	10	27.181.761.259	34.068.386.909
Thay đổi các khoản phải trả	11	322.694.561.710	(14.482.981.877)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(26.216.649.665)	3.397.608.966
Tiền lãi vay đã trả	13	(52.423.954.765)	(180.816.832.766)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(120.809.350.226)	(113.206.138.942)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	53.365.108	113.054.009
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(48.147.448.582)	(34.874.806.213)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	295.366.784.606	331.453.418.326
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(8.823.099.651)	(25.039.611.171)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	9.263.045.182	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.982.092.221	182.072.642.999
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(14.971.200.000)	(1.109.266.047.192)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	569.184.441.206	137.232.638.758
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	563.635.278.958	(815.000.376.606)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	1.042.307.330.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(412.270.445.643)	(509.452.414.843)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(111.189.000)	(448.386.956.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(412.381.634.643)	84.467.958.207
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	446.620.428.921	(399.079.000.073)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.924.233.070.863	2.735.680.330.612
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.562.321.537	(950.816.022)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.374.415.821.321	2.335.650.514.517

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014


Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 42.308.202.844 đồng là giá trị tài sản mua sắm trong kỳ chưa thanh toán cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tại ngày 30 tháng 6 năm 2013: 39.385.622.853 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được trả điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 542.441.899.873 đồng là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tại ngày 30 tháng 6 năm 2013: 382.606.031.323 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

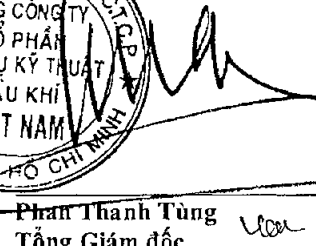
Ngoài ra, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tiền thu từ lợi nhuận và cổ tức của các khoản đầu tư không bao gồm số tiền 19.933.826.761 đồng chưa được thanh toán (tại ngày 30 tháng 6 năm 2013: 362.113.948.507 đồng); và số tiền lãi dự thu với số tiền là 4.298.090.821 đồng (tại ngày 30 tháng 6 năm 2013: 2.653.792.319 đồng).

Các giao dịch này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển trong kỳ và vì vậy, không được trình bày trong báo cáo trên đây.


Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu


Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng




Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6 số 0100150577 ngày 22 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PVN”) là cổ đông chính của Công ty mẹ.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 2.009 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.004 người).

Các chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ:

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng PTSC
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Nhiệt Điện Long Phú
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Quảng Bình

Hoạt động chính

Dịch vụ phục vụ hoạt động khảo sát địa vật lý - địa chất công trình, dịch vụ lặn, dịch vụ cung cấp ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và công trình công nghiệp, dân dụng; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; sửa chữa các công trình dầu khí biển; các dịch vụ sinh hoạt dầu khí (Không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar); dịch vụ quản lý, khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa xử lý dầu thô (FPSO), các tàu dịch vụ, tàu vận chuyển các sản phẩm dầu và khí; dịch vụ quản lý điều hành kinh doanh, khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí; dịch vụ quản lý tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; dịch vụ chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, dịch vụ thử tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy, nâng hạ năng, cần.

[Handwritten signature]

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và kết quả kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty mẹ; vì thế, Công ty mẹ không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty mẹ được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty mẹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty mẹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty mẹ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản kỳ quỹ, các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty mẹ bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí dịch vụ mua ngoài, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 07
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng và tài sản khác	3 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và các phần mềm quản lý được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao theo quy định hiện hành. Phần mềm quản lý được phân bổ trong 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÀU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện khoản chi phí thuê văn phòng tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn 50 năm. Công ty mẹ phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các công cụ dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty mẹ với thời hạn từ một năm trở lên, và tài sản cố định không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 45. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty mẹ là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty mẹ là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty mẹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty mẹ không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty mẹ sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty mẹ có quyền nhận khoản lãi.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ giữ trên 50% quyền kiểm soát.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là khoản dự phòng lỗ đầu tư tài chính do hoạt động kinh doanh thua lỗ của các công ty con và công ty liên kết. Khoản dự phòng này được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan.

Ngoại tệ

Công ty mẹ áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty mẹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty mẹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

MAK

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty mẹ có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty mẹ có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty mẹ căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	2.269.684.575	1.851.082.508
Tiền gửi ngân hàng	1.165.476.791.014	1.348.838.671.295
Các khoản tương đương tiền	2.206.669.345.732	1.573.543.317.060
	3.374.415.821.321	2.924.233.070.863

Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi dưới 3 tháng với lãi suất từ 5% đến 6%/năm và bao gồm số tiền 3.069.345.732 đồng là khoản được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản các vay của Công ty mẹ.

11250C
CHI NH
CÔNG
PHIÊN
BỘ LƯU
VIỆT N
TP. H

TC P
★
H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu từ các Công ty con (i)	888.801.148.537	883.195.019.936
Công ty Saipem Asia Sdn Bhd (ii)	11.691.853.169	11.691.853.169
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	2.133.173.722	-
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Long Phú - Sông Hậu (iii)	572.075.082.100	561.165.082.100
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (iv)	228.755.275.888	228.630.275.888
Công ty Cổ phần Đóng mới và sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (v)	230.819.875.570	230.819.875.570
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (vi)	124.740.417.492	135.242.585.846
Công ty TNHH Gulf Marine Far East (Pte)	4.860.141.266	4.059.696.445
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (vii)	3.600.534.469	2.927.589.014
Công ty Điều hành chung Lam Sơn (viii)	332.932.312.500	-
Công ty Penta - Ocean Construction Co., Ltd (ix)	27.918.497.480	-
Pacific Richfield marine Pte Ltd	6.150.722.724	-
Talisman Malaysia Limited (x)	25.810.275.000	16.483.209.377
Giá trị xây dựng cơ bản điều chỉnh tạm thời của KTNN năm 2012	11.316.565.122	11.316.565.122
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (Bien Dong POC)	-	23.719.193.800
Yinson Offshore Ltd	4.262.499.740	4.262.499.740
Phải thu khác	44.233.810.991	29.866.820.552
	2.520.102.185.770	2.161.740.266.559

- (i) Phải thu từ các Công ty con thể hiện khoản công nợ phải thu nội bộ giữa Công ty mẹ với các công ty con. Trong đó bao gồm các khoản phải thu từ việc chuyển nhượng tài sản và các khoản giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ với các Công ty con.
- (ii) Khoản phải thu từ Công ty Saipem Asia Sdn Bhd là khoản chi hộ của dịch vụ đại lý tàu biển mà Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí thực hiện cho Công ty Saipem Asia Sdn Bhd.
- (iii) Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Long Phú Sông Hậu - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm khoản phải thu từ doanh thu trích trước theo tiến độ hoàn thành từ mốc 9 đến mốc 16 của hạng mục san lấp mặt bằng và doanh thu phí quản lý.
- (iv) Khoản phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam liên quan đến công trình đóng mới kho nổi chứa dầu FSO05 mà Công ty mẹ là chủ đầu tư và Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) là nhà thầu thực hiện. Khoản phải thu này sẽ được bù trừ với công nợ phải trả cho Vinashin như đã nêu ở Thuyết minh số 18 bên dưới khi hai bên quyết toán giá trị tài sản.
- (v) Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu dầu khí Nhơn Trạch thể hiện khoản phải thu liên quan đến việc chuyển giao giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch mà Công ty mẹ nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") theo Nghị quyết số 7090/NQ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Nghị quyết số 2047/NQ-DVKT-HDQT ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Công ty mẹ. Khoản phải thu này có thể được điều chỉnh và được bù trừ với khoản công nợ phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến dự án này (xem Thuyết minh số 18) sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- (vi) Khoản phải thu Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất bao gồm số tiền phải thu liên quan đến chuyển nhượng 15 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với khoản công nợ phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến dự án này sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (vii) Khoản phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam gồm số tiền trích trước doanh thu liên quan tới hợp đồng Khảo sát địa chấn 2D liên kết các bể trầm tích trên thềm lục địa Việt Nam.
- (viii) Khoản phải thu Công ty Điều hành chung Lam Sơn là khoản thu từ doanh thu trích trước doanh thu tháng 6/2014 của dự án cho thuê kho nổi FPSO Lam Sơn và dịch vụ O&M đã cung cấp.
- (ix) Khoản phải thu Công ty Penta - Ocean Construction Co., Ltd là khoản thu về thuế tạm nhập tái xuất của các thiết bị nhập khẩu và thuế phí mậu dịch của nhiên liệu tồn trên tàu phục vụ dự án nạo vét Cảng Nghi Sơn.
- (x) Khoản phải thu Talisman Malaysia Limited là khoản phải thu về trích trước doanh thu dịch vụ đã cung cấp trong quý 2 năm 2014 cho Talisman Malaysia Limited.

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	80.265.495.088	75.773.038.798
Công cụ, dụng cụ	642.584.747	588.858.968
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	293.749.307.960	326.230.631.638
Hàng hoá	8.139.549.945	7.386.169.595
Cộng	382.796.937.740	409.978.698.999
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.749.985.648)	(1.749.985.648)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	381.046.952.092	408.228.713.351

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 chủ yếu là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú với giá trị là 274.173.592.409 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	972.109.556.790	70.833.623.846	46.379.288.975	2.922.943.460.524	4.012.265.930.135
Tăng trong kỳ	-	3.383.662.060	2.830.583.045	2.608.854.546	8.823.099.651
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	224.499.164	-	-	-	224.499.164
Thanh lý, nhượng bán	-	(341.808.641)	(37.011.000)	(11.919.192.258)	(12.298.011.899)
Giảm khác	(625.081)	-	-	-	(625.081)
Tại ngày 30/6/2014	972.333.430.873	73.875.477.265	49.172.861.020	2.913.633.122.812	4.009.014.891.970
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	429.188.313.907	30.090.364.409	33.168.516.055	2.227.066.313.454	2.719.513.507.825
Khấu hao trong kỳ	38.180.394.802	4.516.491.542	3.647.635.084	133.095.724.017	179.440.245.445
Tăng khác	820.165.092	-	-	-	820.165.092
Thanh lý, nhượng bán	-	(270.146.867)	(37.011.000)	(11.773.224.365)	(12.080.382.232)
Tại ngày 30/6/2014	468.188.873.801	34.336.709.084	36.779.140.139	2.348.388.813.106	2.887.693.536.130
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2014	504.144.557.072	39.538.768.181	12.393.720.881	565.244.309.706	1.121.321.355.840
Tại ngày 31/12/2013	542.921.242.883	40.743.259.437	13.210.772.920	695.877.147.070	1.292.752.422.310

Giảm khác thể hiện giá trị tài sản điều chuyển nội bộ giữa Công ty mẹ và các công ty con.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty mẹ là 1.308 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.271 tỷ đồng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty mẹ đã thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng với nguyên giá là 1.839 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tòa nhà PTSC Tower Vũng Tàu	8.620.653.020	8.620.653.020
Nhà văn phòng PTSC Hà Nội	2.120.212.883	1.925.111.065
Phần mềm quản lý nhân sự	1.079.746.500	1.079.746.500
Nhà công vụ Cảng Hòn La	577.631.817	-
Công trình cải tạo xử lý nước thải Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu	1.047.770.000	-
Bộ báo động trực ca hàng hải tàu DK 105	501.700.000	-
Hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải	900.530.553	-
Khác	1.730.185.821	1.062.776.031
	16.578.430.594	12.688.286.616

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

		30/6/2014		31/12/2013
Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm dầu khí PTSC	100,00%	300.000.000.000	100,00%	300.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	100,00%	628.160.788.070	100,00%	628.160.788.070
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	100,00%	20.000.000.000	100,00%	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	84,95%	339.807.000.000	84,95%	339.807.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	51,00%	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	95,19%	285.581.000.000	95,19%	285.581.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	54,69%	218.773.000.000	54,69%	218.773.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	59,61%	208.645.000.000	59,61%	208.645.000.000
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt nam (*)	51,00%	15.300.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	51,00%	204.000.000.000	50,61%	204.000.000.000
Công ty TNHH Khảo sát Địa Vật lý PTSC CGGV	51,00%	597.817.104.000	51,00%	597.817.104.000
		2.920.083.892.070		2.904.783.892.070

(*) Ngày 17 tháng 10 năm 2013, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành nghị quyết số 802/NQ-DVKT-HĐQT về việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PV Security). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty mẹ đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 420.000 cổ phần của Công ty TNHH MTV Lọc-Hóa dầu Bình Sơn tại công ty PV Security, theo đó, số lượng cổ phần sở hữu của Công ty mẹ tại PV Security tăng từ 1.110.000 cổ phần, tương đương 37% vốn điều lệ, lên 1.530.000 cổ phần, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, PV Security đã trở thành công ty con của Công ty mẹ theo quy định.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - ĐN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

Tên công ty	30/6/2014		31/12/2013	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND
Công ty Liên doanh Rông Đới MV12	33,00%	106.022.400	33,00%	106.022.400
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited (i)	49,00%	292.324.455.887	49,00%	292.324.455.887
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (ii)	60,00%	583.995.300.000	60,00%	583.995.300.000
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (iii)	51,00%	340.800.232.500	51,00%	330.029.032.500
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (iv)	51,00%	1.069.026.300.000	51,00%	1.069.026.300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	42,05%	215.648.500.000	42,05%	215.648.500.000
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà (v)	49,95%	124.875.000.000	49,95%	124.875.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	-	-	37,00%	11.100.000.000
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	28,75%	171.957.430.000	28,75%	171.957.430.000
		2.798.733.240.787		2.799.062.040.787

- (i) Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (MVOT) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập giữa Công ty mẹ và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009 để đầu tư kho nổi FSO "Orkid" sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chồng lấn thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia. Kho nổi FSO "Orkid" đã đi vào hoạt động từ năm 2009.
- (ii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập giữa Công ty mẹ và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009, trong đó Công ty mẹ chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO "Ruby II" phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi "FPSO Ruby II" đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.
- (iii) Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (PTSC SEA) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Công ty mẹ cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHĐT-ĐTRNN ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) cho Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BDPOC) thuê phục vụ khai thác dầu, khí tại lô 05.2 và lô 05.3 ngoài khơi Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478.027.530 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 37.329.582 Đô la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Công ty mẹ góp là 19.038.087 Đô la Mỹ, tương đương 391.613.449.590 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ. Hoạt động của liên doanh là đầu tư và sở hữu FSO "PTSC Biển Đông 01"; cho PTSC thuê tàu trần FSO; tiếp thị và cho thuê tàu sau khi hết hạn hợp đồng; các nội dung công việc khác theo điều lệ công ty. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC SEA là 16.320.000 Đô la Mỹ, tương đương 340.800.232.500 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- (iv) Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Công ty mẹ cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT-ĐTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Sơn JOC) thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 399.988.087 Đô la Mỹ, tương đương 8.319.752.209.600 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô la Mỹ chiếm 30% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Công ty mẹ góp là 61.198.177 Đô la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC AP là 51.000.000 Đô la Mỹ, tương đương 1.069.026.300.000 đồng.
- (v) Công ty Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà là công ty cổ phần được thành lập từ vốn góp của Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng và một cá nhân khác theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0401539487 cấp ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Công ty có vốn điều lệ là 250.000.000.000 đồng, trong đó vốn góp của Công ty mẹ là 124.875.000.000 đồng, tương đương 49,95% vốn điều lệ.

II. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Liên doanh Ròng Đồi MV12	90.948.168.165	98.967.405.366
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.126.510.000	23.126.510.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	10.329.990.000	10.329.990.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	2.815.343.710	2.815.343.710
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức	47.011.200.000	47.011.200.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.000.000.000	3.000.000.000
	187.231.211.875	195.250.449.076

Khoản cho vay Công ty Liên doanh Ròng Đồi MV12 được hưởng lãi suất BBA LIBOR và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh với Công ty Liên doanh Ròng Đồi MV Pte, Ltd. và không có bảo đảm. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, số dư khoản cho vay này 4.269.867 Đô la Mỹ, tương đương 90.948.168.165 đồng.

12. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty mẹ đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Chi tiết như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con		
Công ty Cổ Phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	-	4.742.079.733
Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC	285.581.000.000	285.581.000.000
	285.581.000.000	290.323.079.733

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty Liên doanh PTSC AP	-	3.389.442.323
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	58.089.769.041	55.579.294.613
	58.089.769.041	58.968.736.936

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	10.329.990.000	10.329.990.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	322.093.395	324.328.305
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	2.400.000.000	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	15.494.761.700	15.032.231.500
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	2.815.343.710	2.815.343.710
	31.362.188.805	34.301.893.515

Chi tiết biến động trong kỳ của các khoản dự phòng đầu tư tài chính như sau:

	Đầu tư vào Công ty con	Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	Đầu tư dài hạn khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	290.323.079.733	58.968.736.936	34.301.893.515	383.593.710.184
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	-	2.510.474.428	462.530.200	2.973.004.628
Hoàn nhập dự phòng	(4.742.079.733)	(3.389.442.323)	(3.402.234.910)	(11.533.756.966)
Tại ngày 30/6/2014	285.581.000.000	58.089.769.041	31.362.188.805	375.032.957.846

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn	315.638.746.919	317.886.539.863
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.820.841.521	8.379.360.454
	320.459.588.440	326.265.900.317

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty mẹ ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Doanh thu VND	Giá vốn VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	15.665.955.302	(6.804.271.866)	4.367.152.556	(2.400.385.458)	10.828.450.534
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(5.118.568.398)	4.030.177.812	(4.367.152.556)	2.400.385.458	(3.055.157.684)
Tại ngày 31/12/2013	10.547.386.904	(2.774.094.054)	-	-	7.773.292.850
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(10.547.386.904)	(2.111.704.038)	-	-	(12.659.090.942)
Tại ngày 30/6/2014	-	(4.885.798.092)	-	-	(4.885.798.092)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được bù trừ cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	228.630.275.888	228.630.275.888
Nợ dài hạn đến hạn trả	654.417.057.890	694.201.859.435
	883.047.333.778	922.832.135.323

Khoản vay ngắn hạn với số tiền là 228.630.275.888 đồng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam ("PVcomBank") bắt đầu từ ngày 30 tháng 9 năm 2013 và thời gian đáo hạn là ngày 30 tháng 9 năm 2014. Trước đây, mục đích của khoản vay này nhằm bổ sung vốn lưu động tạm ứng thanh toán chi phí đóng kho nổi FSO5. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty mẹ đã nhượng lại kho nổi này cho Liên doanh Dầu khí Việt Nga ("VSP"). Khoản vay này có mức lãi suất ưu đãi là 0%/năm và không có tài sản đảm bảo.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	25.456.339.957	35.146.391.693
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.274.394.412	76.892.521.032
Thuế thu nhập cá nhân	1.999.618.919	4.688.598.482
Các loại thuế khác	17.106.683.346	15.639.563.329
	67.837.036.634	132.367.074.536

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	35.146.391.693	258.585.367.356	268.275.419.092	25.456.339.957
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	8.666.059.651	8.666.059.651	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	6.142.539.369	6.142.539.369	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	76.892.521.032	67.191.223.606	120.809.350.226	23.274.394.412
Thuế thu nhập cá nhân	4.688.598.482	22.058.282.555	24.747.262.118	1.999.618.919
Thuế nhà đất	-	1.204.066.720	1.204.066.720	-
Thuế môn bài	-	12.000.000	12.000.000	-
Thuế TNDN nhà thầu phụ	4.235.126.589	40.776.233.854	40.404.114.347	4.607.246.096
Thuế GTGT nhà thầu phụ	11.404.436.740	105.186.169.719	104.091.169.209	12.499.437.250
Thuế môn bài nhà thầu phụ	-	30.000.000	30.000.000	-
Tiền thuế đất	-	6.100.453.856	6.100.453.856	-
	<u>132.367.074.536</u>	<u>515.952.396.686</u>	<u>580.482.434.588</u>	<u>67.837.036.634</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí công trình Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	96.572.281.670	96.572.281.670
Lãi vay phải trả các Tổ chức tín dụng	12.597.508.433	20.740.832.873
Lãi vay phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	62.493.812.267	104.637.167.612
Lãi trả chậm phải trả PVEP do nhận chuyển nhượng tàu Bình Minh 02	6.626.793.511	16.566.983.777
Phí quản lý trên doanh thu 6 tháng đầu 2014	13.803.897.647	-
Chi phí thuê tàu Yaya Vanguard tháng 6/2014 phải trả	4.137.525.000	-
Chi phí thực hiện dự án PVN12	30.639.586.866	30.639.586.866
Chi phí lương phải trả	55.816.256.827	-
Chi phí sửa chữa lớn tàu PTSC phải trả	27.900.000.000	-
Chi phí khí công nghiệp đã phát sinh doanh thu	5.015.973.760	-
Chi phí cho thuê kho nổi FPSO Lam Sơn phải trả	103.018.781.250	-
Chi phí O&M phục vụ FPSO Lam Sơn phải trả	15.336.956.250	-
Chi phí phải trả khác	1.191.222.704	650.454.482
	<u>435.150.596.185</u>	<u>269.807.307.280</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	659.379.970.020	651.690.052.096
Tập đoàn Công nghiệp Tàu Thủy Việt Nam ("Vinashin") (ii)	398.814.424.040	392.423.879.800
Gulf Marine Far East (Pte) Ltd (iii)	14.743.364.843	19.360.675.470
PC Vietnam Limited (Petronas) (iii)	10.752.883.027	8.273.086.586
Santos Vietnam Pty Ltd (iii)	5.517.359.313	-
Mitra Energy (Vietnam - Tho Chu) Pte Ltd (iii)	23.566.692.671	-
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iv)	6.325.698.882	9.141.595.771
Tổng công ty Xây dựng Đường Thủy (iv)	9.289.752.728	10.686.875.586
Yinson Offshore Ltd (v)	18.523.369.217	-
Kho bạc Nhà nước (vi)	19.946.974.567	-
Phải trả cổ tức các cổ đông (vii)	542.441.899.873	6.512.583.673
Công ty TNHH MTV Điều hành thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	6.741.301.303	6.736.023.440
Pacific Richfield Marine Pte Ltd (PRM)	4.779.530.763	3.163.898.736
Nordic Maritime Pte Ltd	6.390.000.000	6.321.300.000
Lương, thưởng phải trả người lao động	23.424.547.758	5.526.861.807
InterMoor Pte Ltd	1.881.921.030	19.526.026.027
Công ty TNHH Cảng Thanh Hóa (thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa)	39.338.750.137	39.338.750.137
Aggreko (Singapore) Pte Ltd	3.190.125.476	-
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Chim Ưng	4.055.793.390	-
Xí nghiệp tư doanh Minh Hoàng	4.941.475.000	-
Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP)	-	210.710.000.000
Mastek Oil Tools Sdn.Bhd	-	15.526.461.240
Phải trả khác liên quan đến chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	14.205.105.003	10.694.553.341
Các khoản phải trả khác	28.570.959.555	23.421.591.287
	1.846.821.898.596	1.439.054.214.997

- (i) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm các khoản chính như giá trị chuyển nhượng Nhà máy Đóng tàu Nhơn Trạch 355.559.451.500 đồng và số phải trả đến hạn trong năm 2014 của giá trị chuyển nhượng cảng Nghi Sơn, Thanh Hóa với số tiền là 281.833.300.000 đồng.
- (ii) Khoản phải trả cho Tập đoàn Công nghiệp Tàu Thủy Việt Nam ("Vinashin") là khoản thanh toán đợt cuối chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu FSO5 mà Công ty mẹ là chủ đầu tư và Vinashin là nhà thầu thực hiện. Khoản phải trả này sẽ bù trừ một phần với khoản phải thu từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam như đã nêu tại Thuyết minh số 5 bên trên khi hai bên quyết toán giá trị tài sản này.
- (iii) Khoản phải trả Gulf Marine Far East (Pte) Ltd, PC Vietnam Limited (Petronas), Santos Vietnam Pty Ltd, và Mitra Energy Pte Ltd là khoản phải trả về phần nhiên liệu chưa sử dụng hết trên các tàu dịch vụ thuộc Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí.
- (iv) Khoản phải trả Tổng công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Xây dựng Đường thủy là khoản phải trả liên quan đến Dự án Nạo vét cảng Nghi Sơn được giữ lại theo thỏa thuận liên danh đã ký kết.
- (v) Khoản phải trả Yinson Offshore Ltd là khoản phải trả tiền thuê tàu Posh Commander tháng 6 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- (vi) Khoản phải trả Kho bạc Nhà nước là khoản tạm trích trước thuế nhà thầu phụ nước ngoài phải nộp.
- (vii) Khoản phải trả cổ tức cho các cổ đông bao gồm cổ tức của năm 2013 mà Tổng công ty đang thực hiện thủ tục để trả cho các cổ đông với số tiền là 536.040.505.200 đồng và cổ tức các năm trước mà các cổ đông chưa lưu ký chưa thực hiện thủ tục để nhận là 6.401.394.673 đồng.

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam	473.161.116.727	649.072.721.547
Đô la Mỹ	1.508.384.195.007	1.728.181.661.531
	<u>1.981.545.311.734</u>	<u>2.377.254.383.078</u>

Vay và nợ dài hạn thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính trong nước với lãi suất từ 4,1% đến 10% đối với Đồng Việt Nam và từ 1,75% đến 5,65% đối với khoản vay bằng Đô la Mỹ. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam hoặc bảo đảm bằng tài sản hình thành từ các khoản vay như đã trình bày trong Thuyết minh số 7 hoặc không có bảo đảm. Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014: 70.816.159 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 82.017.069 Đô la Mỹ).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	654.417.057.890	694.201.859.435
Trong năm thứ hai	605.301.048.743	613.639.856.129
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	716.284.705.101	1.049.224.995.514
Sau năm năm	5.542.500.000	20.187.672.000
	<u>1.981.545.311.734</u>	<u>2.377.254.383.078</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 15)	(654.417.057.890)	(694.201.859.435)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.327.128.253.844</u>	<u>1.683.052.523.643</u>

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	446.700.421	446.700.421
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	446.700.421	446.700.421
Số lượng cổ phần đang lưu hành	446.700.421	446.700.421

Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty mẹ là 4.467.004.210.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	30/6/2014		31/12/2013	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	2.295.000.000.000	51,38	2.295.000.000.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chung Việt Nam (PVcomBank)	6,69	298.843.000.000	5,84	260.945.000.000
Nhóm quỹ FTIF-Templeton Frontier Markets	5,84	260.873.000.000	6,14	274.181.740.000
Vốn góp của các cổ đông khác	36,09	1.612.288.210.000	36,64	1.636.877.470.000
	100	4.467.004.210.000	100	4.467.004.210.000

500-C

NHẬP

NG T

HIỆM H

OIT

T NA

P. HỒ



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	2.978.020.940.000	486.293.000.000	1.019.651.628.514	165.091.224.982	815.991.689.665	5.465.048.483.161
Tăng vốn trong năm	1.042.307.330.000	-	-	-	-	1.042.307.330.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.102.049.569.606	1.102.049.569.606
Phân phối lợi nhuận	-	-	91.976.383.629	38.320.543.008	(245.258.555.662)	(114.961.629.025)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(521.152.304.500)	(521.152.304.500)
Tăng vốn từ thặng dư cổ phần	446.675.940.000	(446.675.940.000)	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2013	4.467.004.210.000	39.617.060.000	1.111.628.012.143	203.411.767.990	1.151.630.399.109	6.973.291.449.242
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	774.943.807.170	774.943.807.170
Phân phối lợi nhuận	-	-	419.812.726.060	57.581.519.955	(615.589.893.909)	(138.195.647.894)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(536.040.505.200)	(536.040.505.200)
Số dư tại ngày 30/6/2014	4.467.004.210.000	39.617.060.000	1.531.440.738.203	260.993.287.945	774.943.807.170	7.073.999.103.318

Theo Nghị quyết số 380/QĐ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam, các cổ đông của Công ty mẹ đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức của năm 2013 là 12% trên mệnh giá cổ phần với số tiền 536.040.505.200 đồng, trích Quỹ dự phòng tài chính là 57.581.519.955 đồng, trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi là 138.195.647.893 đồng, trích Quỹ đầu tư phát triển là 419.812.726.060 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty mẹ đã thực hiện trích lập các quỹ theo nghị quyết nêu trên và làm đang làm thủ tục cho các cổ đông nhận cổ tức theo Nghị quyết nêu trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Doanh thu bán hàng	104.129.456.068	106.730.793.361
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.851.311.081.733	3.459.531.261.445
	<u>4.955.440.537.801</u>	<u>3.566.262.054.806</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	100.698.713.882	96.528.100.786
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.436.416.630.276	3.043.040.887.879
	<u>4.537.115.344.158</u>	<u>3.139.568.988.665</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	485.845.660.283	219.060.465.395
Chi phí nhân công	337.856.900.632	211.963.483.604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	180.110.023.391	186.129.029.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.595.396.925.127	2.587.646.760.663
Chi phí khác	98.334.580.909	208.074.603.006
	<u>4.697.544.090.342</u>	<u>3.412.874.342.180</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.107.170.819	74.213.075.972
Cổ tức, lợi nhuận được chia	541.624.325.945	419.275.892.288
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.832.116.909	5.318.451.485
Doanh thu sử dụng vốn nội bộ	8.829.280.292	9.024.630.556
	<u>606.392.893.965</u>	<u>507.832.050.301</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	25.555.691.640	41.297.479.831
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	15.939.422.008
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.259.297.472	29.991.471.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.355.719.722	2.107.701.136
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(8.560.752.338)	18.313.239.364
Chi phí tài chính khác	23.193.960.974	31.250.078.333
	64.803.917.470	138.899.392.289

26. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	9.263.045.182	-
Thu từ phạt, bồi thường	1.706.849.001	112.612.494
Hoàn nhập chi phí liên quan đến Dự án nhà máy sửa chữa tàu biển Nghi Sơn	29.621.687.266	-
Hoàn nhập chi phí liên quan đến dự án nhà máy đóng tàu Nhơn Trạch	18.320.980.480	-
Hoàn nhập dự phòng chi phí thanh lý tàu Ruby Princess	-	20.319.272.698
Thu nhập cung cấp nhân sự quản lý cho MVOT	-	6.903.284.511
MVOT hoàn phí thành lập	-	25.258.369.270
Thu nhập khác	774.956.621	1.865.057.489
	59.687.518.550	54.458.596.462
Chi phí khác		
Tiền phạt, bồi thường	125.543.390	587.199.754
Chi phí thanh lý tài sản cố định	1.150.505.850	-
Chi phí dự án Cảng quốc tế PVTrans	-	5.833.899.600
Các khoản chi phí khác	1.268.576.023	7.447.123.328
	2.544.625.263	13.868.222.682
Lợi nhuận khác	57.142.893.287	40.590.373.780

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	854.794.121.718	669.079.746.340
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(556.638.631.824)	(474.242.919.027)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	7.259.162.865	49.090.527.150
Thu nhập chịu thuế	<u>305.414.652.759</u>	<u>243.927.354.463</u>
Thuế suất thông thường	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>67.191.223.606</u>	<u>60.981.838.616</u>

Theo Thông tư số 78/2014/TT- BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế.

28. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty mẹ có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động và thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho PTSC không hủy ngang với tổng số tiền thuê là 3.183 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.460 tỷ đồng). Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2012. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty mẹ có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty mẹ gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty mẹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay	2.210.175.587.622	2.605.884.658.966
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	3.374.415.821.321	2.924.233.070.863
Nợ thuần	(1.164.240.233.699)	(318.348.411.897)
Vốn chủ sở hữu	<u>7.073.999.103.318</u>	<u>6.973.291.449.242</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty mẹ áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.374.415.821.321	2.924.233.070.863
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.976.674.625.004	4.897.911.869.625
Đầu tư tài chính dài hạn	155.869.023.070	160.948.555.561
Các khoản ký quỹ	2.194.469.960	2.234.732.075
Tổng cộng	8.509.153.939.355	7.985.328.228.124
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.210.175.587.622	2.605.884.658.966
Phải trả người bán và phải trả khác	3.763.471.836.167	3.586.943.592.408
Chi phí phải trả	435.150.596.185	269.807.307.280
Tổng cộng	6.408.798.019.974	6.462.635.558.654

Công ty mẹ chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty mẹ đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty mẹ phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty mẹ.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty mẹ thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty mẹ sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty mẹ quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	3.480.289.025.787	3.783.544.478.715	3.180.130.374.127	3.167.385.040.538
Bảng Anh (GBP)	65.311.829	6.303.774.358	1.595.107.017	6.107.696.748
Đô la Singapore (SGD)	5.395.370.393	6.466.886.581	402.004.549.516	5.832.365.048

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty mẹ trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty mẹ sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	30/6/2014	30/6/2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	15.007.932.583	7.925.186.882

Dựa trên sự phân tích tương tự cho GBP và SGD thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty mẹ chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty mẹ chịu rủi ro lãi suất khi Công ty mẹ vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty mẹ quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ giảm/(tăng) 44.203.511.752 đồng (kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 giảm/(tăng) 55.506.362.608 đồng).

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mẹ chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty mẹ không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty mẹ. Công ty mẹ có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty mẹ có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty mẹ không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau và các bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty mẹ quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty mẹ tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty mẹ là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty mẹ duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty mẹ phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty mẹ khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.374.415.821.321	-	-	3.374.415.821.321
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.976.674.625.004	-	-	4.976.674.625.004
Đầu tư tài chính dài hạn	-	155.869.023.070	-	155.869.023.070
Các khoản ký quỹ	284.041.188	1.910.428.772	-	2.194.469.960
Tổng cộng	8.351.374.487.513	157.779.451.842	-	8.509.153.939.355
30/6/2014				
Các khoản vay	883.047.333.778	1.321.585.753.844	5.542.500.000	2.210.175.587.622
Phải trả người bán và phải trả khác	4.107.097.880.711	198.815.855.329	-	4.305.913.736.040
Chi phí phải trả	435.150.596.185	-	-	435.150.596.185
Tổng cộng	5.425.295.810.674	1.520.401.609.173	5.542.500.000	6.951.239.919.847
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.926.078.676.839	(1.362.622.157.331)	(5.542.500.000)	1.557.914.019.508
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.924.233.070.863	-	-	2.924.233.070.863
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.897.911.869.625	-	-	4.897.911.869.625
Đầu tư tài chính dài hạn	-	160.948.555.561	-	160.948.555.561
Các khoản ký quỹ	125.000.000	1.995.800.171	-	2.120.800.171
Tổng cộng	7.822.269.940.488	162.944.355.732	-	7.985.214.296.220
31/12/2013				
Các khoản vay	922.832.135.323	1.662.864.851.643	20.187.672.000	2.605.884.658.966
Phải trả người bán và phải trả khác	3.328.372.385.642	265.083.790.439	-	3.593.456.176.081
Chi phí phải trả	269.807.307.280	-	-	269.807.307.280
Tổng cộng	4.521.011.828.245	1.927.948.642.082	20.187.672.000	6.469.148.142.327
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.301.258.112.243	(1.765.004.286.350)	(20.187.672.000)	1.516.066.153.893

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty mẹ có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ ĐƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty mẹ đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:**Mối quan hệ**

Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty trong Tập đoàn PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu	Công ty trong Tập đoàn PVN
Các công ty con trong Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam	Công ty con
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cổ đông chính, công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Công ty trong Tập đoàn PVN
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty trong Tập đoàn PVN
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Công nghệ năng lượng dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn PVN
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 <u>VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu	11.093.456.000	197.003.520
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	68.068.195.009	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.038.260.200	219.881.793.300
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	46.373.956.219	54.062.187.079
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	29.159.078.502	19.643.370.091
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	66.603.642.901	289.037.438.654
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	7.889.276.811	16.580.042.340
Các công ty con trong Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam	<u>253.118.121.102</u>	<u>175.050.952.275</u>
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	<u>11.646.007.096</u>	<u>16.251.405.508</u>

2500
NH
ÔNG
NHIỆP
LỢI
ỆT I
TP.1



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	<u>6.085.053.723</u>	<u>4.895.069.415</u>

Số dư với các bên liên quan

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản phải thu		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu	442.555.124.796	442.519.421.436
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	3.176.110.656	7.141.411.883
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	30.226.244.742	48.610.067.819
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	24.945.633.739	7.193.244.591
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	39.086.626.733	334.020.431.294
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	5.432.781.848	9.751.021.867
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	7.681.208.761	3.752.446.749
Các công ty con trong Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam	<u>149.034.972.657</u>	<u>321.844.506.564</u>

Phải thu khác

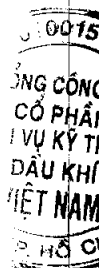
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	228.755.275.888	228.630.275.888
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu	572.075.082.100	561.165.082.100
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	355.560.293.062	366.062.461.416
Các công ty con trong Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam	<u>888.801.148.537</u>	<u>883.195.019.936</u>

Trả trước cho người bán

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	<u>1.301.175.000</u>	<u>1.301.175.000</u>

Các khoản phải trả

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công ty con trong Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam	95.319.332.343	27.232.820.550
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	7.530.204.637	6.612.001.868
Tổng công ty Dầu Việt Nam	4.481.287.589	5.832.600.829
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	<u>265.071.740.439</u>	<u>347.861.542.824</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản phải trả khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	659.379.970.020	651.690.052.096
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	<u>6.325.698.882</u>	<u>9.141.595.771</u>
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản phải trả khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	659.379.970.020	651.690.052.096
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	<u>6.325.698.882</u>	<u>9.141.595.771</u>
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	<u>228.630.275.888</u>	<u>228.630.275.888</u>
Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	<u>560.798.141.862</u>	<u>732.282.265.084</u>



Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng




Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

